

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TG  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ - ST  
Ngày 07 - 6 - 2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đình Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bạc Thị Hồng và ông Lý A Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lợi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Lầu Páo L; Sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản HT, xã T, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

**Bị đơn:** Chị Mùa Thị Ch; Sinh năm 1994; Địa chỉ: Bản HT, xã T, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

(Anh Ly có mặt, chị Ch vắng mặt lần 2 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 27/3/2022 và bản tự khai ngày 26/4/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lầu Páo L trình bày:*

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh L và chị Ch sống chung như vợ chồng từ năm 2009 đến ngày 08/01/2014 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Anh L và chị Ch kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói

chung, không có sự tôn trọng lẫn nhau. Anh L và chị Ch đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay, từ thời điểm sống ly thân giữa anh L và chị Ch không còn quan tâm hay liên lạc gì đến nhau nữa. Anh L xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc sống chung với chị Ch được nữa, vì vậy anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ch.

**Về con chung:** Anh Ly khai vợ chồng có 02 con chung là Lầu Thị Thanh Th, sinh ngày 25/6/2015 và Lầu Mạnh H, sinh ngày 29/10/2016. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th và cháu H đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng:** Anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 05/4/2022 Tòa án nhân dân huyện TG tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho chị Mùa Thị Ch, nhưng chị Ch không có nhà nên Tòa án đã giao Thông báo Thụ lý vụ án và các tài liệu Chứng cứ trực tiếp cho bà Ly Thị M (là mẹ đẻ của chị Ch) và có sự Chứng kiến của ông Mùa A S là trưởng bản HT, xã T, huyện TG.

Ngày 05/4/2022, Tòa án xác minh thông tin của ông Mùa A S, Trưởng bản HT và ông Phạm Hữu H (Trưởng Công an) xã T, huyện TG về sự vắng mặt của chị Ch, tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con giữa anh L và chị Ch. Ông S và ông H cho biết: Chị Ch đang đi làm thuê, không thường xuyên có mặt ở nhà nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà khi gia đình có việc, công việc cụ thể chị Ch không báo với chính quyền địa phương, hiện tại chị Ch vẫn có hộ khẩu tại bản HT, xã T. Sau khi kết hôn anh L và chị Ch chung sống với nhau được một thời gian thì thấy hai vợ chồng hay cãi nhau, to tiếng tại bản. Anh L và chị Ch không ở với nhau từ thời điểm tháng 02/2022 cho đến nay. Anh L và chị Ch có 02 con chung, hiện tại hai cháu đang ở cùng với anh L tại bản HT, xã T. Chị Ch đi làm xa không thường xuyên về, các cháu vẫn do một mình anh Ly chăm sóc nuôi dưỡng. Ngoài ra ông S, ông H cũng không cho biết gì thêm.

Cùng ngày 05/4/2022 Tòa án cũng tiến hành xác minh thông tin đối với bà Ly Thị M là mẹ đẻ của chị Ch, bà M cho biết: Chị Ch hiện tại đang đi làm thuê, không thường xuyên có mặt ở nhà nhưng vẫn điện thoại về hỏi thăm gia đình và các con. Gia đình nhận được Thông báo Thụ lý vụ án và cũng đã thông báo cho chị Ch về việc anh L xin ly hôn nhưng do công việc nên Ch không về được. Bà M cũng cho biết trong cuộc sống vợ chồng chị Ch và anh L có nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau, không có sự quan tâm lẫn nhau. Từ thời điểm sống ly thân hai con chung của chị Ch hiện đang ở với anh L, chị Ch đi làm xa không thường xuyên có nhà nên các con chung đều do anh L chăm sóc và cho đi học.

Ngày 20/4/2022 Tòa án đã Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai Chứng cứ và hòa giải. Thông báo về việc mở phiên họp đã được

Tòa án giao trực tiếp cho bà Ly Thị M (là mẹ đẻ của chị Ch) và có sự Chứng kiến của ông Mùa A S là trưởng bản HT, xã T, huyện TG nhưng chị Ch vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do. Ngày 21/4/2022 qua xác minh bà Ly Thị M cho biết gia đình đã thông báo lại nội dung của Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên Chng cứ và hòa giải cho chị Ch biết. Ngày 26/4/2022 Tòa án nhân dân huyện TG đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai Chứng cứ và tổng đạt cho chị Ch nhưng chị Ch không có nhà nên Tòa án tiếp tục làm các thủ tục giao cho người thân thích là bà Ly Thị M (mẹ đẻ chị Ch). Anh L cũng đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do vậy đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 11/5/2022 Tòa án nhân dân huyện TG đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ngày 26/5/2022 mở phiên tòa và đã Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 26/5/2022 để đảm bảo quyền lợi cho chị Ch. Tuy nhiên đến phiên tòa lần thứ hai chị Ch vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Việc chị Ch cố tình không chấp hành giấy báo, giấy triệu tập không có mặt tại phiên tòa và được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền của mình khi tham gia tố tụng nên Tòa án nhân dân huyện TG vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Anh L có mặt, chị Ch vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch.

**Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG:** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa cơ bản đều đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ly; *Về con chung:* Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao hai con chung là Lầu Thị Thanh Th, sinh ngày 25/6/2015 và Lầu Mạnh H, sinh ngày 29/10/2016 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con anh L không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nên không xem xét; *Về quan hệ tài sản:* Anh L không đề nghị Tòa án giải quyết; *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh L.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Căn cứ đơn khởi kiện về việc nguyên đơn anh Lầu Páo L xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Mùa Thị Ch và các tài liệu Chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bị đơn là chị Mùa Thị Ch có hộ khẩu thường trú tại Bản HT, xã T, huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3]. Về điều luật áp dụng:** Anh Lầu Páo L và chị Mùa Thị Ch kết hôn ngày 08/01/2014 thời điểm Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chưa có hiệu lực do đó Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

**[4]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:** Ngày 07/6/2022 Tòa án nhân dân huyện TG đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án. Anh L có mặt, chị Ch vắng mặt lần 2 không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[5]. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lầu Páo L và chị Mùa Thị Ch kết hôn ngày 08/01/2014, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Anh L khai nhận hai vợ chồng kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của anh L và chị Ch là hợp pháp. Anh L có đơn xin ly hôn với chị Ch là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh L và chị Ch đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay, từ thời điểm sống ly thân và trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết giữa anh L và chị Ch không còn quan tâm hay liên lạc gì đến nhau nữa. Anh L xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc sống chung với chị Ch vì vậy anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ch. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 05/4/2022 chính quyền địa phương cũng thừa nhận sau khi kết hôn anh L và chị Ch chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng hay cãi nhau, to tiếng tại bản. Cũng tại biên bản xác minh đối với bà Ly Thị M là mẹ đẻ của chị Ch, bà M cũng thừa nhận vợ chồng anh L và chị Ch có mâu thuẫn, hay xảy ra cãi cọ và nhiều lần chị Ch có về tâm sự với bà M về tình trạng mâu thuẫn của hai vợ chồng chị Ch, bà M cũng cho biết chị Ch đã sống ly thân với anh L từ tháng 02/2022 cho đến nay, hiện chị Ch đã đi làm thuê ở xa thỉnh thoảng mới về. Từ những nguyên nhân trên Hội đồng xét xử xét thấy anh L và chị Ch đã ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay, trong thời gian ly thân và từ thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến

nay giữa anh L và chị Ch không đi lại thăm nom, chăm sóc lẫn nhau và cũng không điện thoại hỏi thăm nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Ch đã được Tòa án thông báo về việc anh L xin ly hôn với chị, nhưng chị Ch không có ý kiến gì gửi cho Tòa án. Ngày 27/4/2022 anh L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì anh L xác định không còn tình cảm với chị Ch, anh L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị Ch. Do đó việc anh L xin ly hôn với chị Ch là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Lầu Páo L được ly hôn với chị Mùa Thị Ch.

**[6]. Về con chung:** Anh L và chị Ch có 02 con chung là Lầu Thị Thanh Th, sinh ngày 25/6/2015 và Lầu Mạnh H, sinh ngày 29/10/2016. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th, cháu H đến khi thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi các con chung. Tại Biên bản xác minh điều kiện nuôi con ngày 05/4/2022 chính quyền địa phương cũng xác nhận cháu Th và cháu H đang ở với anh L tại bản HT, xã T, huyện TG. Qua xác minh đối với bà Ly Thị M là mẹ đẻ của chị Ch, thì từ khi vợ chồng anh L và chị Ch sống ly thân thì hai con chung đều ở với anh L, chị Ch đi làm xa không thường xuyên có mặt ở nhà nên các cháu đều do anh L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh L khẳng định bản thân ngoài làm ruộng ra còn đi làm thuê thu nhập mỗi tháng từ 9.000.000đ đến 10.000.000đ đủ điều kiện để chăm sóc hai cháu Th và H. Tại đơn nguyện vọng ngày 27/3/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2022 cháu Th có nguyện vọng xin được ở với anh L vì anh L có sự quan tâm, chăm sóc và đảm bảo điều kiện học cũng như sinh hoạt cho các cháu nhiều hơn chị Ch. Cháu H mặc dù chưa đủ tuổi lấy ý kiến, nguyện vọng của cháu nhưng từ thời điểm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cháu H vẫn ở với anh L. Chị Ch trong quá trình giải quyết vụ án không có mặt tại Tòa án cũng như không có bất cứ ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó xét đề nghị của anh L là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với ý kiến của bà M mẹ đẻ của chị Ch và phù hợp với ý kiến đánh giá của chính quyền địa phương nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Th và cháu H, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Th và cháu H cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con anh L không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

**[7]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng:** Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[8]. Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, anh L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy nhiên anh L là người dân tộc thiểu số cư trú tại bản HT, xã T, huyện TG, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh L được miễn án phí DSST.

**[9].** Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử:** Nguyên đơn anh Lầu Páo L được ly hôn với bị đơn chị Mùa Thị Ch.

**2. Về con chung:** Giao hai cháu Lầu Thị Thanh Th, sinh ngày 25/6/2015 và Lầu Mạnh H, sinh ngày 29/10/2016 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh L không yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Mùa Thị Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị Mùa Thị Ch lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Ch.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng:** Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Anh L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Anh Lầu Páo L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/6/2022). Chị Mùa Thị Ch được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Đình Hiếu**